

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 Năm học 2019 - 2020

Mã học phần/Nhóm: 4060412 nhóm 02 Tên học phần: Thu gom, xử lý và vận chuyển chất lưu

Số tín chỉ: 2

Mã CBGD: 0604-16

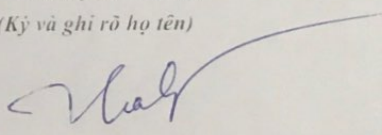
Tên CBGD: Nguyễn Khắc Long

Trang 1 / 1

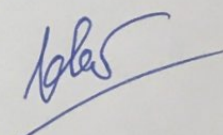
STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1521019021	Dương Quốc Dũng	15/11/1997	DCDKTB60_2		9			9	10		10	3,7	
2	1121030247	Hoàng Đức Dũng	28/08/1993	DCDKKK56B	C				0			0	0,0	
3	1521010169	Phan Hồng Duy	29/09/1997	DCDKKK60_2		10			10	10		10	4,0	
4	1521010314	Thái Bình Dương	29/01/1997	DCDKTB60_2		9			9	9		9	3,6	
5	1521010189	Bùi Khắc Hình	10/05/1997	DCDKTB60_2		8,5			8,5	10		10	3,6	
6	1521010186	Hồ Sỹ Hùng	04/02/1997	DCDKTB60_2		9			9	10		10	3,7	
7	1621010211	Phạm Sĩ Hùng	12/10/1998	DCDKKK61_2		8,5			8,5	10		10	3,6	
8	1521010313	Hồ Việt Huy	11/11/1997	DCDKTB60_2		9			9	10		10	3,7	
9	1521010126	Nguyễn Trần Đức Huy	25/07/1997	DCDKTB60_2		8			8	10		10	3,4	
10	1621010902	Mey Kadun	23/06/1997	DCDKKK61_1		9			9	10		10	3,7	
11	1521010267	Trình Thị Thảo Ly	20/04/1997	DCDKTB60_2		9			9	10		10	3,7	
12	1521010194	Trần Văn Mạnh	16/11/1996	DCDKTB60_2		8			8	10		10	3,4	
13	1521010239	Tô Thanh Ngọc	17/09/1997	DCDKTB60_2		9			9	10		10	3,7	
14	1521010085	Đỗ Văn Nguyên	27/06/1996	DCDKTB60_2		8			8	10		10	3,4	
15	1521010084	Nguyễn Văn Nhỏ	12/01/1997	DCDKTB60_2		8,5			8,5	10		10	3,6	
16	1521010227	Phạm Hữu Phước	02/07/1996	DCDKTB60_2		8,5			8,5	10		10	3,6	
17	1521010198	Tô Thanh Tài	15/08/1997	DCDKTB60_2		8			8	8		8	3,2	
18	1521010123	Lê Quang Tâm	14/10/1997	DCDKTB60_2		8			8	10		10	3,4	
19	1621010307	Lê Chung Thức	10/09/1998	DCDKLD61A		8			8	8		8	3,2	
20	1521010211	Mai Văn Toàn	15/04/1997	DCDKTB60_2		8			8	10		10	3,4	
21	1521010147	Vũ Văn Trọng	21/11/1997	DCDKTB60_2		8			8	9		9	3,3	
22	1521010104	Lê Danh Tuấn	25/02/1997	DCDKTB60_2		5			5	0		0	1,5	
23	1521010050	Phạm Văn Tuấn	23/08/1997	DCDKTB60_2		10			10	10		10	4,0	
24	1521010122	Hồ Tuấn Vũ	01/06/1997	DCDKTB60_2		8,5			8,5	10		10	3,6	

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2019

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Thái

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Khắc Long

Đại học chính quy
Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần
Học kỳ 1 Năm học 2019 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã học phần/Nhóm: 4060522 nhóm 01 Tên học phần: Đồ án thiết bị khai thác dầu khí I
Mã CBGD: 0605-04 Tên CBGD: Nguyễn Văn Thịnh

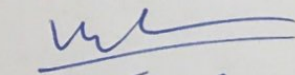
Số tín chỉ: 1

Trang 1 / 1

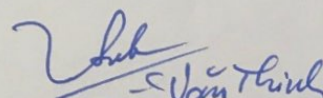
STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1621011044	Phạm Gia Bảo	10/03/1998	DCDKTB61VT	8	8	8	8	8	10	10	10	8.2	
2	1621011067	Hoàng Tiến Đạt	09/02/1998	DCDKTB61VT	8	8	8	8	8	10	10	10	8.2	
3	1621011078	Lê Ngọc Hai	07/02/1997	DCDKTB61VT	8	9	9	9	9	10	10	10	8.5	
4	1621011016	Vũ Trung Hiếu	09/07/1998	DCDKTB61VT	7	8	8	8	8	10	10	10	7.6	
5	1621011004	Hồ Hồng Huy	06/09/1998	DCDKTB61VT	8	9	9	9	9	10	10	10	8.5	
6	1621011042	Lê Văn Khang	10/01/1998	DCDKTB61VT	8	9	9	9	9	10	10	10	8.5	
7	1621011040	Phạm Thị Hiếu Kiên	24/11/1998	DCDKTB61VT	8	9	9	9	9	10	10	10	8.5	
8	1621011086	Nguyễn Khánh Linh	27/10/1997	DCDKTB61VT	8	8	8	8	8	10	10	10	8.2	
9	1621011028	Trịnh Thị Linh	10/03/1998	DCDKTB61VT	8	8	8	8	8	10	10	10	8.2	
10	1621010212	Lê Văn Long	10/02/1998	DCDKTB61VT	9	9	9	9	9	10	10	10	9.1	
11	1621010089	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	08/08/1998	DCDKTB61VT	8	8	8	8	8	10	10	10	8.2	
12	1621011027	Nguyễn Bá Phát	14/12/1997	DCDKTB61VT	7	8	8	8	8	10	10	10	7.6	
13	1621011034	Trần Hoàng Phong	09/02/1997	DCDKTB61VT	7	8	8	8	8	10	10	10	7.6	
14	1621011063	Nguyễn Huy Phương	06/10/1998	DCDKTB61VT	8	9	9	9	9	10	10	10	8.5	
15	1621011007	Bùi Văn Quang	03/03/1998	DCDKTB61VT	7	8	8	8	8	10	10	10	7.6	
16	1621011033	Lê Văn Quý	17/04/1997	DCDKTB51VT					0			0	0.0	
17	1621011018	Lê Duy Thành	17/07/1998	DCDKTB61VT	7	8	8	8	8	10	10	10	7.6	
18	1541012032	Trần Văn Thiêm	05/01/1987	TCDKKK60VT	8	9	9	9	9	10	10	10	8.5	
19	1621011082	Đỗ Thành Tiến	26/07/1998	DCDKTB61VT	8	8	8	8	8	10	10	10	8.2	
20	1621011026	Tống Huỳnh Trú	16/05/1998	DCDKTB61VT	8	8	8	8	8	10	10	10	8.2	
21	1621011035	Nguyễn Thị Tường Vi	15/09/1998	DCDKTB61VT	8	8	8	8	8	10	10	10	8.2	
22	1621020034	Nguyễn Ngọc Hoàng Yến	02/12/1997	DCDKTB61VT	8	8	8	8	8	10	10	10	8.2	

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2020

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Đức Vinh

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Thịnh

Đại học chính quy
Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần
Học kỳ 1 Năm học 2019 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã học phần/Nhóm: 4060521 nhóm 01 Tên học phần: Thiết bị khai thác dầu khí 1
Mã CBGD: 0605-04 Tên CBGD: Nguyễn Văn Thịnh

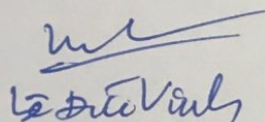
Số tín chỉ: 3

Trang 1 / 1

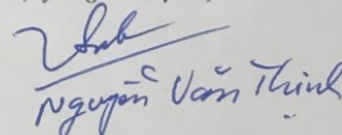
STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1621011044	Phạm Gia Bảo	10/03/1998	DCDKTB61VT		7	7	7	7	10	10	10	3.1	
2	1621011067	Hoàng Tiến Đạt	09/02/1998	DCDKTB61VT		7	7	7	7	9	9	9	3.0	
3	1621011078	Lê Ngọc Hai	07/02/1997	DCDKTB61VT		8	8	8	8	9	9	9	3.3	
4	1621011016	Vũ Trung Hiếu	09/07/1998	DCDKTB61VT		7	7	7	7	9	9	9	3.0	
5	1621011004	Hồ Hồng Huy	06/09/1998	DCDKTB61VT		8	8	8	8	9	9	9	3.3	
6	1621011042	Lê Văn Khang	10/01/1998	DCDKTB61VT		8	8	8	8	9	9	9	3.3	
7	1621011040	Phạm Thị Hiếu Kiên	24/11/1998	DCDKTB61VT		8	8	8	8	10	10	10	3.4	
8	1621011086	Nguyễn Khánh Linh	27/10/1997	DCDKTB61VT		6.5	6.5	6.5	6.5	9	9	9	2.9	
9	1621011028	Trình Thị Linh	10/03/1998	DCDKTB61VT		7	7	7	7	9	9	9	3.0	
10	1621010212	Lê Văn Long	10/02/1998	DCDKTB61VT		9	9	9	9	10	10	10	3.7	
11	1621010089	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	09/08/1998	DCDKTB61VT		7	7	7	7	9	9	9	3.0	
12	1621011027	Nguyễn Bá Phát	14/12/1997	DCDKTB61VT		7	7	7	7	8	8	8	2.9	
13	1621011034	Trần Hoàng Phong	09/02/1997	DCDKTB61VT		7	7	7	7	9	9	9	3.0	
14	1621011063	Nguyễn Huy Phương	06/13/1998	DCDKTB61VT		8	8	8	8	9	9	9	3.3	
15	1621011007	Bùi Văn Quang	03/03/1998	DCDKTB61VT		6.5	6.5	6.5	6.5	8	8	8	2.8	
16	1621011033	Lê Văn Quý	17/04/1997	DCDKTB61VT					0			0	0.0	
17	1621011018	Lê Duy Thành	17/07/1998	DCDKTB61VT		7	7	7	7	8	8	8	2.9	
18	1541012032	Trần Văn Thiệp	05/04/1987	TCDKKK60VT		9	9	9	9	8	8	8	3.5	
19	1621011082	Đỗ Thành Tiến	26/07/1998	DCDKTB61VT		7	7	7	7	9	9	9	3.0	
20	1621011026	Tống Huỳnh Trú	16/05/1998	DCDKTB61VT		7	7	7	7	9	9	9	3.0	
21	1621011035	Nguyễn Thị Tường Vi	15/09/1998	DCDKTB61VT		7	7	7	7	9	9	9	3.0	
22	1621020034	Nguyễn Ngọc Hoàng Yến	02/12/1997	DCDKTB61VT		7	7	7	7	9	9	9	3.0	

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2019

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Đức Vinh

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Thịnh

Đại học chính quy
Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần
Học kỳ 1 Năm học 2019 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã học phần/Nhóm: 4060233 nhóm 01 Tên học phần: Các phương pháp tìm kiếm thăm dò dầu khí cơ bản
Mã CBGD: 0602-08 Tên CBGD: Lê Ngọc ánh

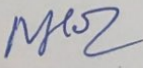
Số tín chỉ: 2

Trang 1 / 1

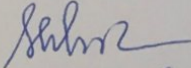
STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1621010242	Lê Phú Anh	20/08/1998	DCDKDC61	7	7.5	7		7.3	9		9	7.3	
2	1621010010	Vũ Ngọc Anh	18/03/1998	DCDKDC61	8	8	8		8	10		10	8.2	
3	1621010241	Phạm Ngọc Chiến	09/12/1998	DCDKDC61	7	7	8		7.5	10		10	7.5	
4	1621010211	Nguyễn Công Doanh	25/04/1998	DCDKDC61	7	7	7.5		7.3	10		10	7.4	
5	1621010141	Vũ Đức Duy	20/10/1998	DCDKDC61	6	7	7.5		7.3	9		9	6.7	
6	1621010709	Hoàng Liên Đa	23/09/1998	DCDKDC61	C				0			0	0.0	
7	1621010719	Đinh Văn Đức	08/11/1998	DCDKDC61	7	7	6.5		6.8	10		10	7.2	
8	1621010743	Phạm Văn Hải	27/04/1998	DCDKDC61	6	6.5			6.5	10		10	6.6	
9	1621010224	Trương Ngọc Hải	17/08/1998	DCDKDC61	7.5	7	7		7	8		8	7.4	
10	1621010001	Đặng Văn Hợi	21/05/1998	DCDKDC61	9	9	9		9	10		10	9.1	
11	1621010720	Đỗ Nhật Khánh	30/12/1998	DCDKDC61	4	7	7.5		7.3	9		9	5.5	
12	1621010707	Trần Tùng Lâm	31/07/1997	DCDKDC61	8	7	8		7.5	10		10	8.1	
13	1621011032	Hoàng Phi Long	30/06/1998	DCDKDC61	8	7	8.5		7.8	10		10	8.1	
14	1621010233	Vũ Long	10/01/1998	DCDKDC61	C				0			0	0.0	
15	1621010146	Lương Tất Minh	19/06/1997	DCDKDC61	8	7	7.5		7.3	8		8	7.8	
16	1621010231	La Văn Nhật	06/11/1998	DCDKDC61	7		7		7	10		10	7.3	
17	1621010900	Loren Odm	04/05/1995	DCDKDC61	8	8	8		8	10		10	8.2	
18	1621010225	Cao Hữu Phước	22/12/1998	DCDKDC61	8	9	8		8.5	10		10	8.4	
19	1621011049	Dương Thị Phương	20/03/1998	DCDKDC61	6	8	6		7	9		9	6.6	
20	1621010175	Trần Thanh Quang	05/11/1997	DCDKDC61	6	6.5	7		6.8	10		10	6.6	
21	1621010186	Nguyễn Hữu Quân	24/10/1998	DCDKDC61	7	9	7.5		8.3	9		9	7.6	
22	1621010722	Nguyễn Hải Sơn	25/12/1998	DCDKDC61	7	9	7		8	9		9	7.5	
23	1621010171	Phạm Ngọc Tài	05/11/1998	DCDKDC61	7	6.5	8		7.3	9		9	7.3	
24	1621010178	Nguyễn Tiến Thành	10/02/1998	DCDKDC61	8	7	7.5		7.3	10		10	8.0	
25	1621010024	Nguyễn Văn Thành	02/01/1995	DCDKDC61	8	7	8		7.5	9		9	8.0	
26	1621010184	Trương Sỹ Thế	04/07/1996	DCDKDC61	7		7		7	7		7	7.0	
27	1621010043	Vũ Đình Hoàn	26/11/1998	DCDKDC61	7.5	6.5			6.5	8		8	7.3	
28	1621010718	Khuất Thủy Tiên	29/01/1998	DCDKDC61	8	8	7.5		7.8	10		10	8.1	
29	1621010180	Nguyễn Văn Tiến	16/10/1998	DCDKDC61	7	7.5			7.5	9		9	7.4	
30	1621010190	Trương Trọng Trung	18/08/1998	DCDKDC61	7.5	7	6		6.5	10		10	7.5	
31	1621010209	Nguyễn Công Tú	03/02/1998	DCDKDC61	7	7.5	7		7.3	9		9	7.3	
32	1621010091	Phạm Tuấn Tú	08/09/1998	DCDKDC61	7.5	7	7		7	9		9	7.5	
33	1621010214	Phạm Kinh Tuấn	25/05/1998	DCDKDC61	7	7	7		7	7		7	7.0	
34	1621010213	Nguyễn Lâm Tùng	27/08/1998	DCDKDC61	7.5	7.5	7.5		7.5	10		10	7.8	

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2020

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Minh Hoa

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Ngọc Ánh

Đại học chính quy
Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần
Học kỳ 1 Năm học 2019 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã học phần/Nhóm: 4060218 nhóm 01 Tên học phần: Địa chất dầu khí

Số tín chỉ: 3

Mã CBGD: 0602-13

Tên CBGD: Nguyễn Minh Hòa

Trang 1 / 1

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1721010082	Lê Bá Anh	15/11/1999	DCDKKK62		7			7	9		9	3.0	
2	1521010130	Nguyễn Hoàng Anh	13/03/1997	DCDKKK60_2		0			0	0		0	0.0	
3	1721010013	Vũ Hoàng Anh	02/09/1999	DCDKKK62		6			6	10		10	2.8	
4	1721010076	Đoàn Mạnh Đình	18/07/1999	DCDKKK62		6			6	8		8	2.6	
5	1721010007	Nguyễn Ngọc Đoàn	03/05/1999	DCDKKK62		6			6	6		6	2.4	
6	1721010089	Nguyễn Văn Đức	05/03/1999	DCDKKK62		4			4	9		9	2.1	
7	1721010002	Nguyễn Bá Hiếu	24/02/1999	DCDKKK62		7			7	7		7	2.8	
8	1721010020	Nguyễn Văn Huy	28/12/1999	DCDKKK62		7			7	8		8	2.9	
9	1721010062	Phạm Quang Huy	19/10/1999	DCDKKK62		8			8	10		10	3.4	
10	1721010136	Bùi Xuân Hưng	14/10/1999	DCDKKK62		7			7	9		9	3.0	
11	1721010006	Nguyễn Đức Khánh	06/06/1999	DCDKKK62		7			7	10		10	3.1	
12	1721010048	Hoàng Văn Long	29/01/1999	DCDKKK62		8			8	9		9	3.3	
13	1721010021	Nguyễn Văn Long	09/09/1999	DCDKKK62		7			7	8		8	2.9	
14	1721010504	Nguyễn Đăng Lộc	06/12/1999	DCDKKK62		7			7	10		10	3.1	
15	1721010056	Trần Chiêu Minh	22/01/1999	DCDKTB62		2			2	0		0	0.6	
16	1721010138	Lê Trọng Nam	15/07/1999	DCDKKK62		7			7	8		8	2.9	
17	1721010052	Nguyễn Quốc Nam	11/09/1999	DCDKKK62		8			8	9		9	3.3	
18	1721010063	Hoàng Thị Phượng	04/11/1999	DCDKKK62		8			8	9		9	3.3	
19	1721010040	Lê Trọng Thương	21/01/1999	DCDKKK62		8			8	10		10	3.4	
20	1721010072	Khiếu Văn Tiến	01/02/1999	DCDKKK62		6			6	9		9	2.7	
21	1721010041	Thiếu Sĩ Toàn	09/08/1999	DCDKKK62		0			0	0		0	0.0	
22	1721010055	Trần Đoàn Thu Trang	05/07/1999	DCDKKK62		8			8	8		8	3.2	
23	1721010049	Nguyễn Phi Hải Triều	17/01/1999	DCDKKK62		8			8	10		10	3.4	
24	1721010067	Đặng Xuân Trường	18/01/1999	DCDKKK62		7			7	10		10	3.1	
25	1721010150	Nguyễn Ngọc Tú	24/08/1999	DCDKKK62		7			7	10		10	3.1	
26	1721010050	Nguyễn Minh Tuấn	04/04/1999	DCDKKK62		8			8	10		10	3.4	

Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2020

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mười
Nguyễn Mười

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

NH
Nguyễn Minh Hòa